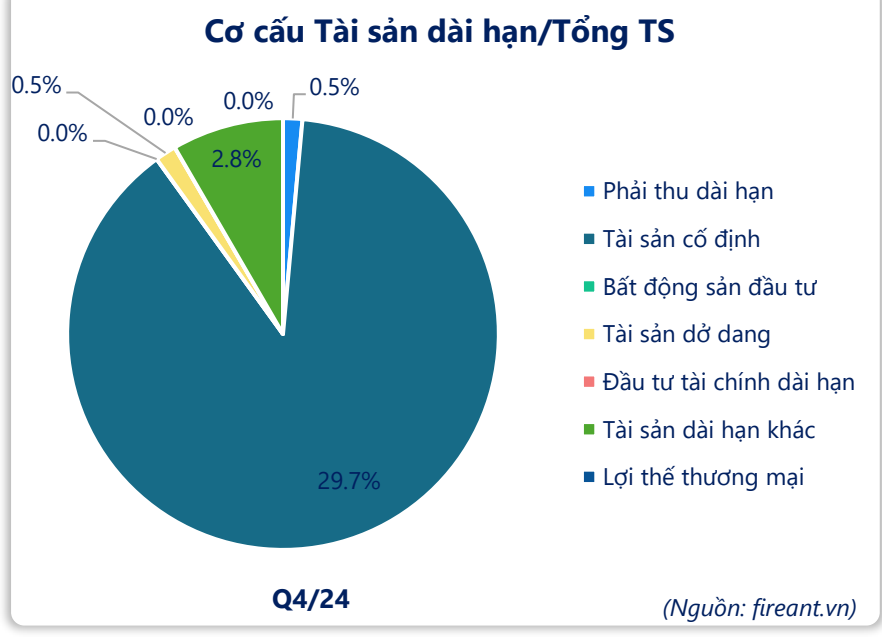
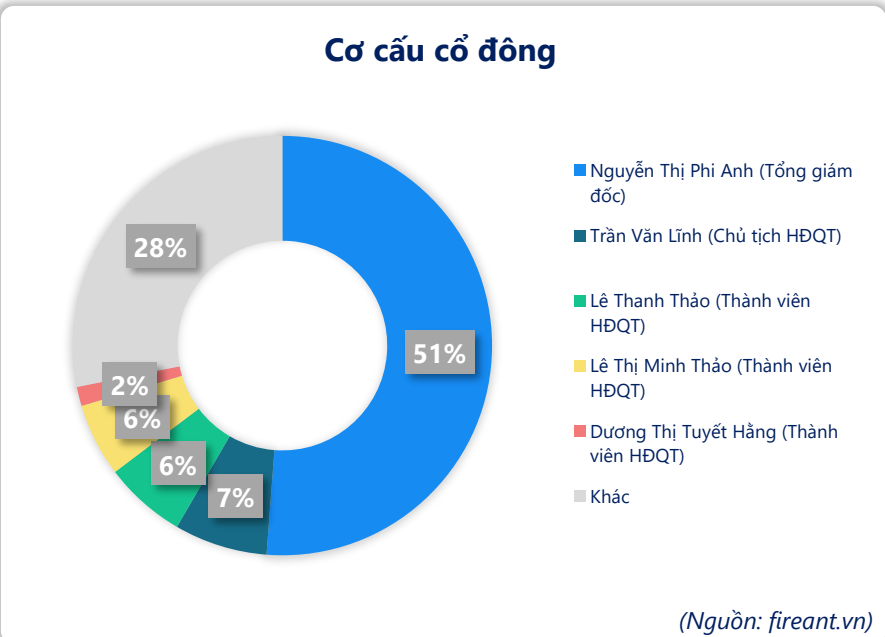
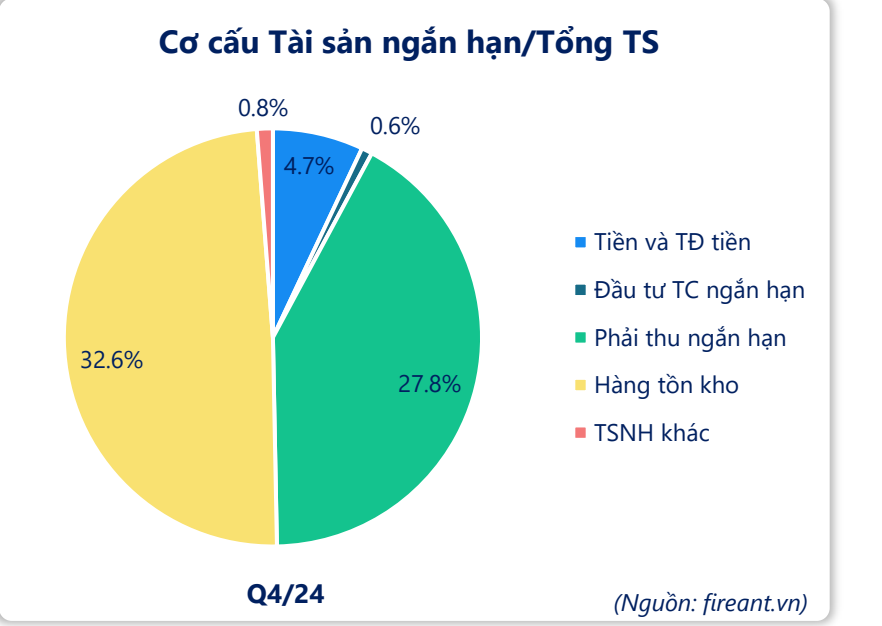
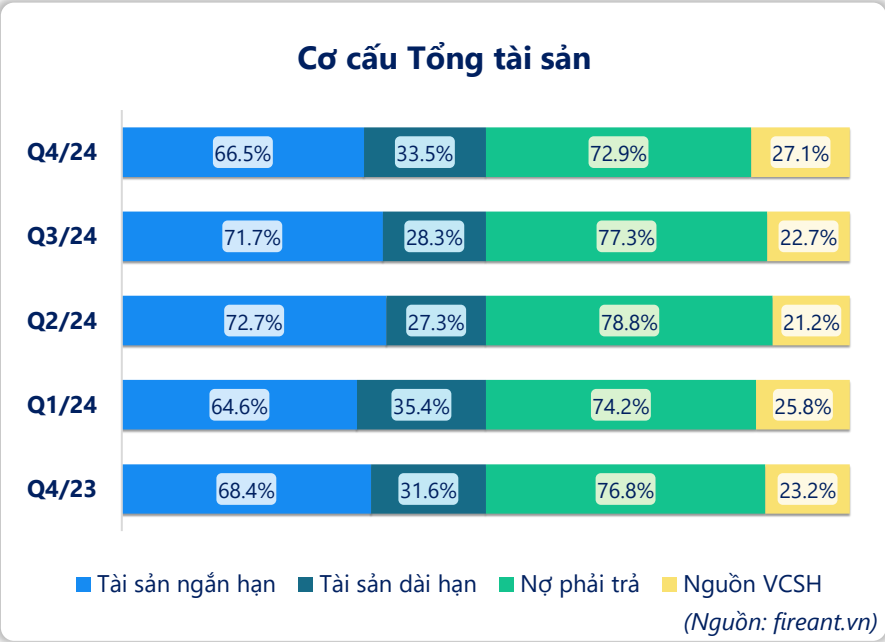
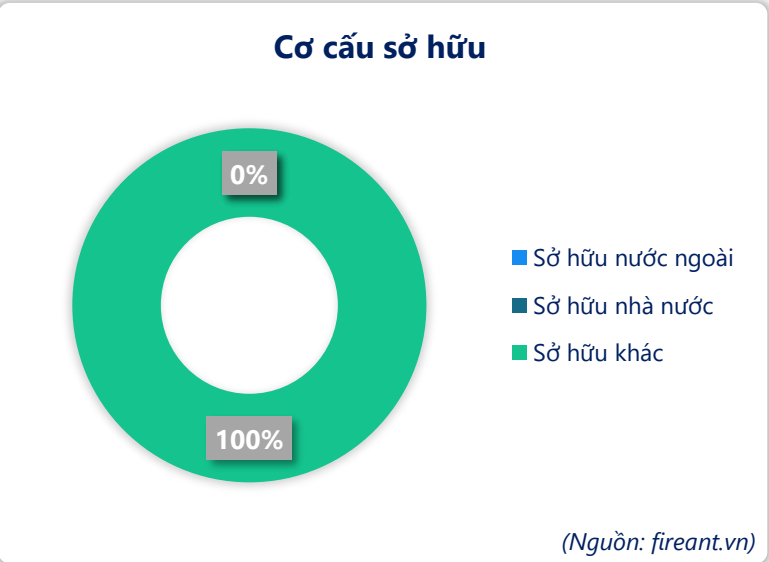
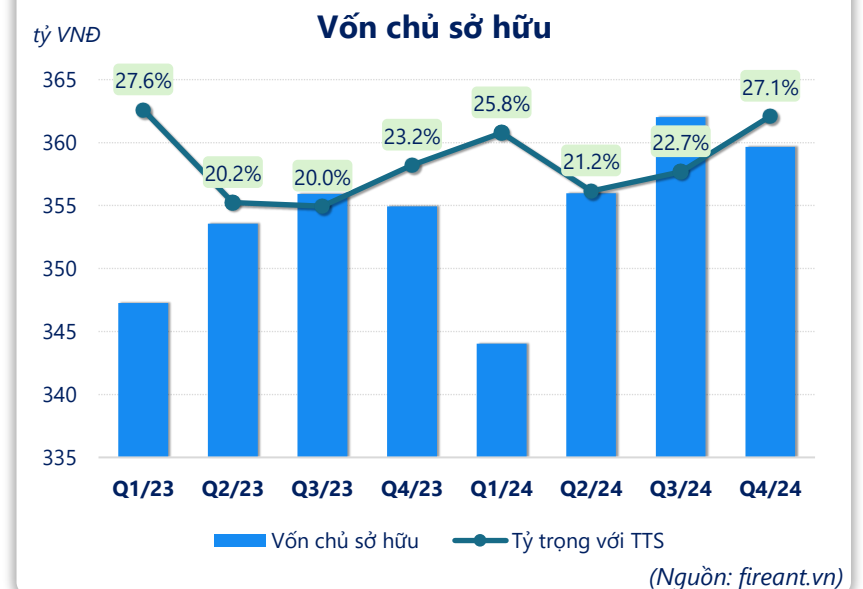
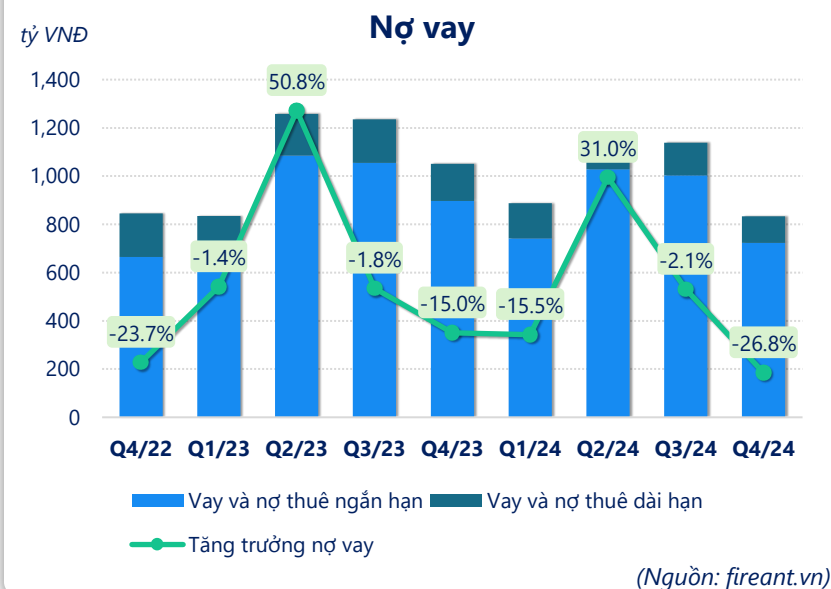
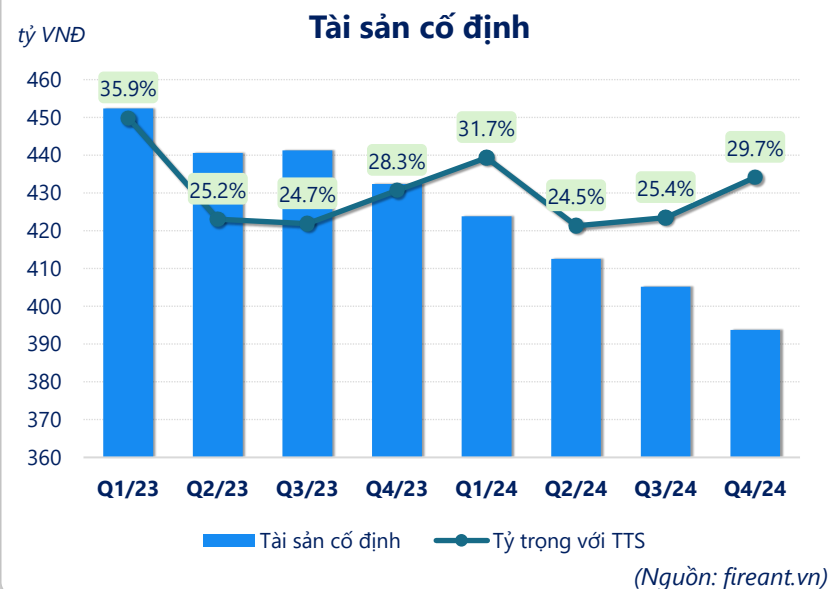
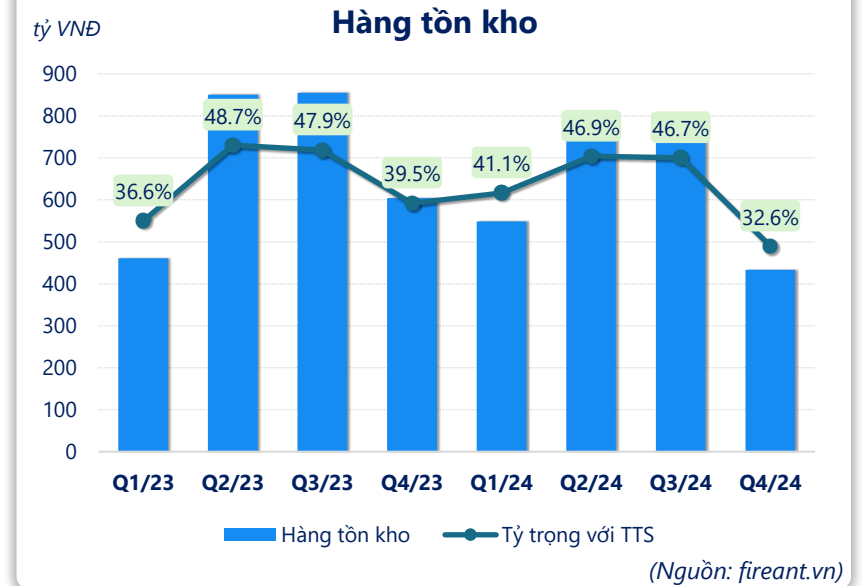
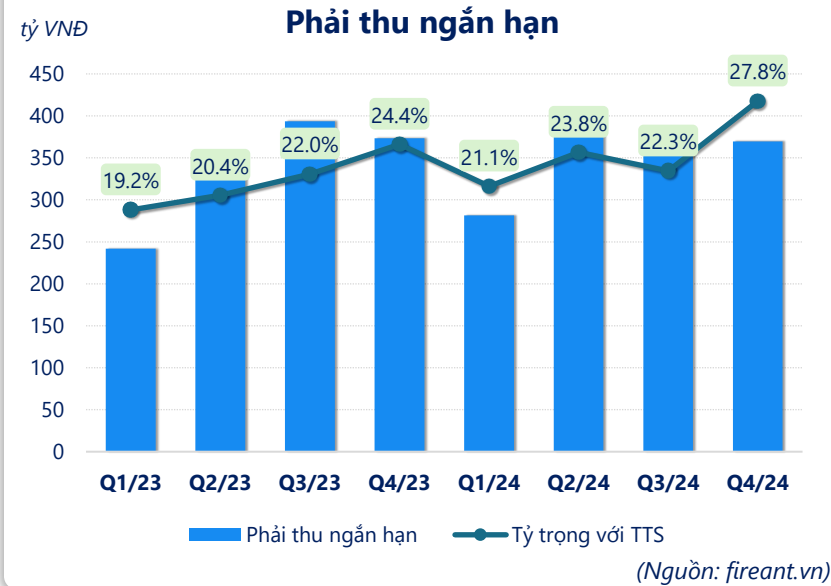
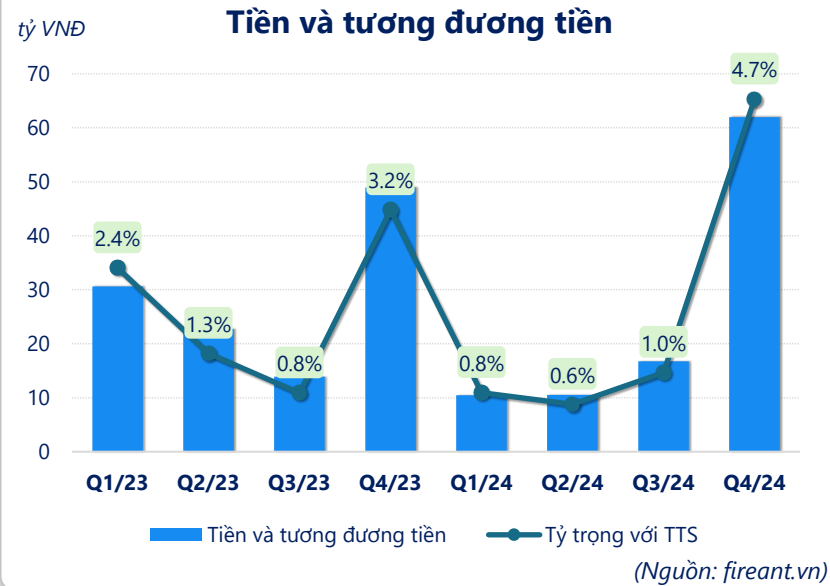
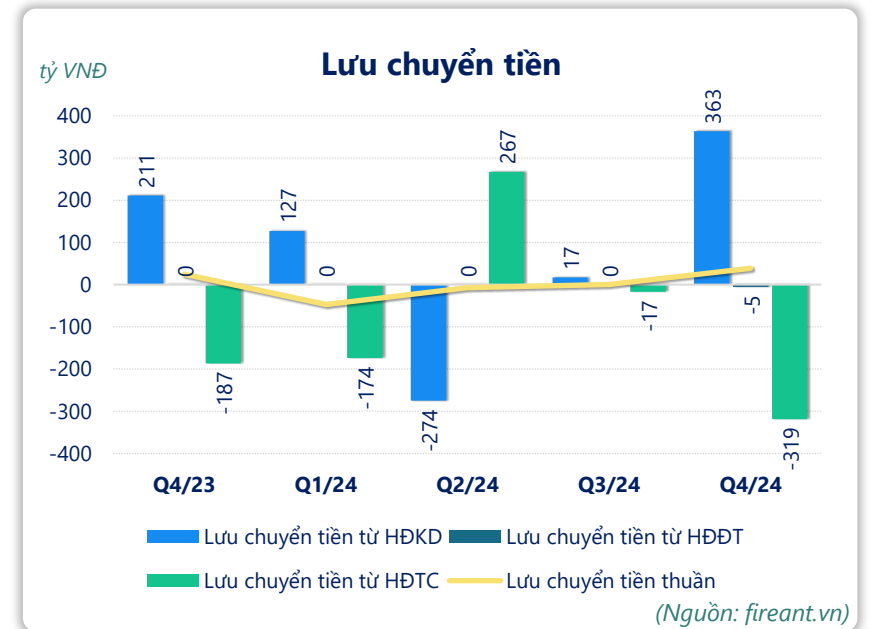
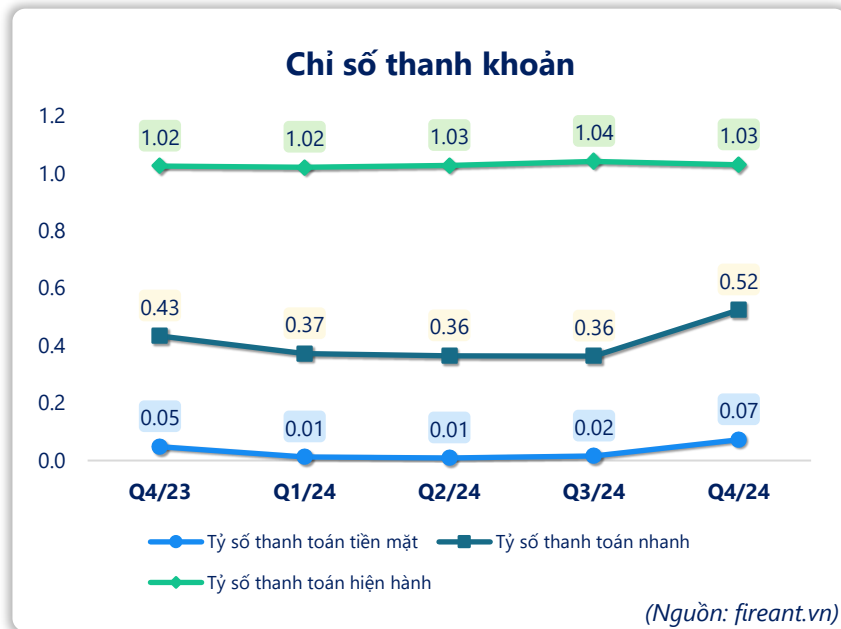
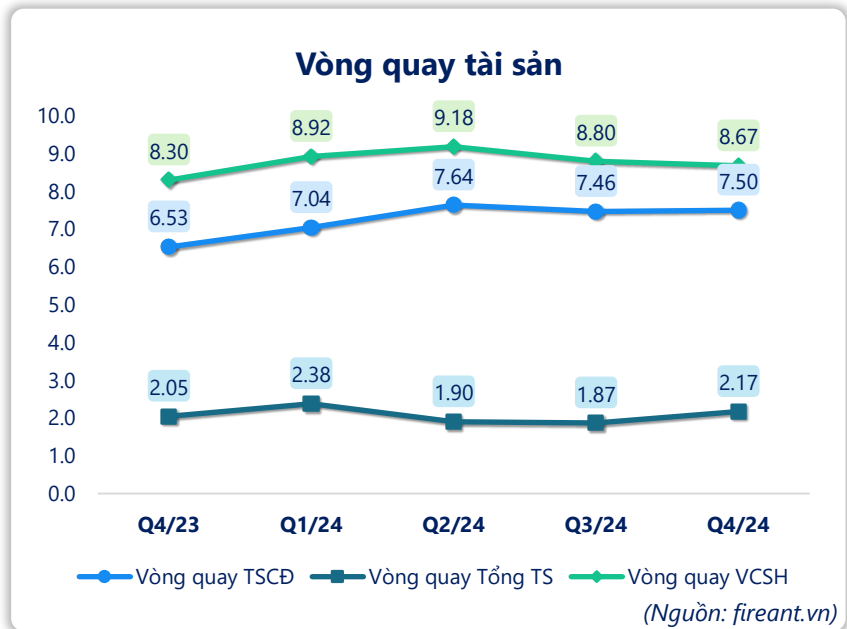
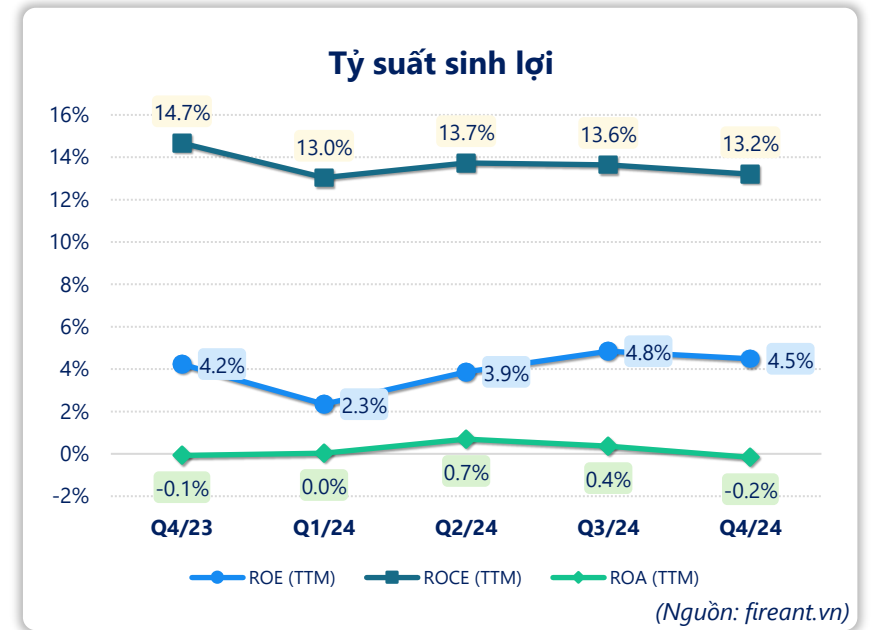
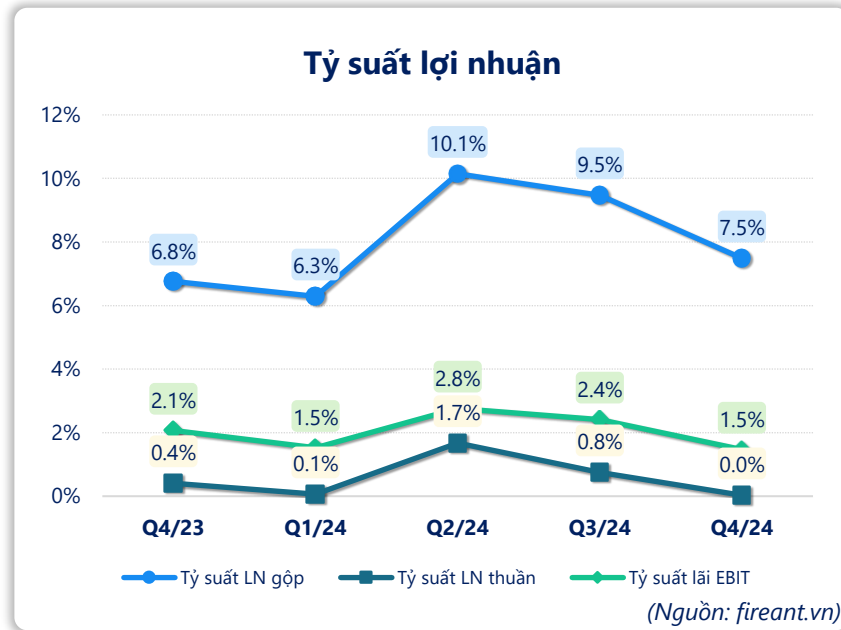
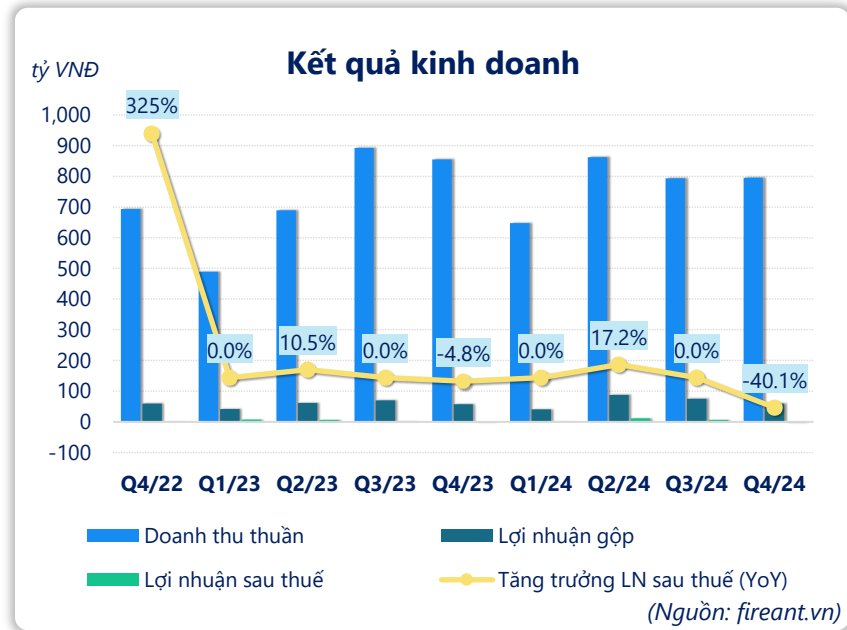


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		8,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		9,667
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,031
SL cổ phiếu LH		21,610,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)		480
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		179
P/E		11.2
EPS		742

	YTD	1T	3T	6T
THP		0.0%	0.0%	9.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	1,328	1,528	-13.1%
Tài sản ngắn hạn	883	1,045	-15.5%
Tiền và tương đương tiền	62.0	49.0	26.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.36	7.16	2.8%
Phải thu ngắn hạn	370	329	12.5%
Hàng tồn kho	434	647	-33.0%
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	13.4	-18.7%
Tài sản dài hạn	444	483	-8.0%
Phải thu dài hạn	6.41	6.12	4.9%
Tài sản cố định	394	432	-8.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.06	4.69	50.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	37.2	40.0	-7.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	968	1,174	-17.5%
Nợ ngắn hạn	859	1,021	-15.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	723	898	-19.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.9	46.7	11.0%
Nợ dài hạn	110	153	-28.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	110	153	-28.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	360	354	1.5%
Vốn chủ sở hữu	360	354	1.5%
Vốn điều lệ	216	216	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	855	647	863	794	795
Giá vốn hàng bán	797	607	775	718	736
Lợi nhuận gộp	57.8	40.7	87.5	75.2	59.5
Doanh thu HĐTC	10.7	14.3	14.5	14.1	17.0
Chi phí TC	16.7	22.1	19.5	24.6	26.3
Chi phí lãi vay	14.9	9.43	9.67	13.1	11.8
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	38.4	24.4	53.6	47.6	39.4
Chi phí QLDN	9.85	8.21	14.4	11.1	10.6
LN thuần từ HĐKD	3.51	0.40	14.4	5.98	0.24
Lợi nhuận khác	-0.73	0.02	-0.28	0.06	-0.33
LN trước thuế	2.78	0.42	14.1	6.04	-0.09
Lợi nhuận sau thuế	-1.00	0.42	11.9	6.04	-2.36
LNST của CĐ cty mẹ	-1.00	0.42	11.9	6.04	-2.36

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	211	127	-274	16.9	363
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.18	0.03	0.12	0.05	-5.49
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-187	-174	267	-16.9	-319
Tiền đầu kỳ	13.9	49.0	10.4	10.5	16.8
Lưu chuyển tiền thuần	24.6	-47.1	-6.92	-0.01	38.7
Ảnh hưởng tỷ giá	10.5	8.61	7.02	6.21	6.54
Tiền cuối kỳ	49.0	10.4	10.5	16.8	62.0

(Nguồn: fireant.vn)